

Số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lân;
2. Ông Chau Rót Tha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 185/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2022 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chau K, sinh năm: 1971; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp PL, xã ÔL, huyện TT, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy KK, sinh năm: 1971; địa chỉ cư trú: Tổ 07, ấp TB, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, ông K – bà KK cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/4/2022 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Chau K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà KK được hình thành là do tự tìm hiểu, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2011, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136 ngày 14/11/2011. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà KK cờ bạc thiếu nợ nhiều người dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, mặc dù ông cố gắng năn nỉ vợ, động viên vợ từ bỏ tính xấu, nhưng vợ chẳng những không nghe mà còn có những lời lẽ xúc phạm đến ông

dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, rời ly thân nhau hơn 01 năm nay. Từ khi ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà KK.

Về quan hệ con chung: Ông với bà KK có 02 con chung tên: 1/ Chau Trí T, sinh ngày 16/6/2006; 2/ Chau Trí Đ, sinh ngày 14/6/2010 hiện 02 con chung sinh sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà KK không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà KK không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Thúy KK để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà KK đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông K – bà KK chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà KK cờ bạc nên vợ chồng cãi vã và ly thân nhau, khi ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành...nên ông K xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung, Chau Trí T và Chau Trí Đ đều trên 07 tuổi và ý nguyện tiếp tục sống với cha, đề nghị HĐXX công nhận. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông K khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với bà KK, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà KK có địa chỉ cư trú tại thị trấn CT, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bà K được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông K – bà KK kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã CT (nay là thị trấn CT), huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 136 ngày 14/11/2011, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông K vẫn bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do bà KK cờ bạc thiếu nợ nhiều người dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên...ông và bà KK ly thân đã lâu, gia đình đứng ra hàn gắn nhưng không thành...

Qua trình bày của ông K, mặc dù bà KK vắng mặt, nhưng tại biên bản xác minh vào ngày 06/7/2022 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng K – KK có mâu thuẫn từ hơn 01 năm nay. Nguyên nhân hai người nợ nần dẫn đến gây cãi hăng ngày... Là cha mẹ, bà Ngô Thị B có khuyên ngăn nhưng không thành, hiện KK đã bỏ gia đình lên thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, bà có động viên đoàn tụ nhưng hai đứa không đồng ý, khả năng hàn gắn giữa ông K – bà KK trở lại chung sống với nhau là không thể...

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa ông K – bà KK đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy 02 con chung tên: Chau Trí T và Chau Trí Đ từ khi ông K – bà KK ly thân đến nay hai cháu là do ông K nuôi và chăm sóc, tình cảm giữa hai cháu với ông K thật sự gắn bó, ý nguyện của hai cháu được tiếp tục sống chung với cha. Để tạo điều kiện cho hai cháu phát triển tốt về sau, nghĩ nên giao hai cháu T, Đ cho ông K tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Thông qua bản án, HĐXX cũng giải thích cho ông K biết: Trong thời gian nuôi con, ông cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà KK trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông Kiên không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4]. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Ông K khai không có tài sản chung, không có nợ chung. Tuy nhiên do bà KK vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này bà Kiêu có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung và có nợ chung và bà K có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Ông K là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Chau K.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Chau K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy KK.

Về quan hệ con chung: Ông Chau K được tiếp tục nuôi hai con chung tên: 1/ Chau Trí T, sinh ngày 16/6/2006; 2/ Chau Trí Đ, sinh ngày: 14/6/2010.

Công nhận tự nguyện của Chau K không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy KK cấp dưỡng nuôi con.

Ông Chau K cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà KK trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Ông Chau K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008331 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (ông K nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- UBND thị trấn CT;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ